**QUYỀN TỰ DO TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO TRONG**

**PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ TRONG PHÁP LUẬT TÍN NGƯỠNG,**

**TÔN GIÁO VIỆT NAM**

**Trần Tuấn Vũ\***

**Tóm tắt**

*Quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo là một trong những quyền dân sự và chính trị cơ bản của con người được thừa nhận trong luật pháp quốc tế. Các quốc gia trên thế giới cũng ghi nhận và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo bằng pháp luật của mình trên cơ sở phù hợp với tình hình chính trị - xã hội của từng quốc gia. Là một đất nước đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo, Việt Nam luôn coi trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và ghi nhận quyền này trong Hiến pháp. Việc ban hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 đã thể chế hóa Hiến pháp năm 2013, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước để đảm bảo tốt hơn quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.*

**Từ khóa:** *Tín ngưỡng, tôn giáo, tự do, quyền dân sự, quyền con người.*

Quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo là một trong những quyền dân sự và chính trị cơ bản của con người được thừa nhận trong luật quốc tế và pháp luật hầu hết các quốc gia trên thế giới. Là một đất nước đa dạng về cả tín ngưỡng và tôn giáo, đồng thời là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, Việt Nam đã ghi nhận và bảo vệ quyền tự do tôn giáo ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên - Hiến pháp năm 1946. Từ đó đến nay, qua từng thời kỳ, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng được bảo vệ và cụ thể hóa thông qua nhiều văn bản khác nhau. Ngày 18/11/2016, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo đã được thông qua đánh dấu một cột mốc quan trọng trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo tại Việt Nam.

**1. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong pháp luật quốc tế**

Tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một trong những tư tưởng được nhận thức rất sớm trong lịch sử phát triển của loài người.

Ở cấp độ quốc gia, một số nước cũng

ghi nhận quyền tự do tôn giáo trong pháp \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

\* CN, Trường Đại học An ninh Nhân dân

luật từ rất sớm. Tuy nhiên, phải đến thế kỷ XX thì quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo mới được ghi nhận trên phạm vi quốc tế.

Hiến chương của Liên hợp quốc năm 1945 ghi nhận một trong những mục tiêu của Liên hợp quốc là: *“…khuyến khích phát triển sự tôn trọng các quyền của con người và các tự do cơ bản cho tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, nam nữ, ngôn ngữ hoặc tôn giáo…”*. Nguyên tắc không phân biệt tôn giáo còn được Hiến chương ghi nhận là một trong những mục đích của Đại hội đồng Liên hợp quốc: *“tổ chức nghiên cứu và thông qua những kiến nghị nhằm: …* *Thúc đẩy sự hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, giáo dục, y tế và thực hiện các quyền của con người và các tự do cơ bản đối với mọi người không phân biệt chủng tộc, nam nữ, ngôn ngữ và tôn giáo;”*. Với việc hợp tác quốc tế về kinh tế xã hội, Liên hợp quốc khuyến khích: *“Sự tôn trọng và tuân thủ triệt để các quyền và các tự do cơ bản của tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, nam nữ, ngôn ngữ hay tôn giáo”.* Còn trong chế độ quản thác quốc tế, một trong những mục tiêu được Liên hợp quốc ghi nhận là: *“Khuyến khích sự tôn trọng nhân quyền và những quyền tự do cơ bản cho mọi người, không phân biệt chủng tộc, nam nữ, ngôn ngữ hay tôn giáo và khuyến khích mọi người công nhận mối tương quan giữa các dân tộc trên thế giới” [1].* Như vậy, Hiến chương Liên hợp quốc khẳng định rằng “không phân biệt, đối xử” vì lý do tôn giáo trong việc hưởng các quyền và tiến hành các công việc của Liên hợp quốc hay nói cách khác là sự bình đẳng giữa các tôn giáo là một trong những nguyên tắc cơ bản của Liên hợp quốc, là nền tảng của quyền tự do tôn giáo.

Trong Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền năm 1948, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được coi là một trong những quyền cơ bản của con người, rằng: “*Ai cũng có quyền tự do tư tưởng, tự do lương tâm và tự do tôn giáo; quyền này bao gồm cả quyền tự do thay đổi tôn giáo hay tín ngưỡng và quyền tự do biểu thị tôn giáo hay tín ngưỡng qua sự giảng dạy, hành đạo, thờ phụng và nghi lễ, hoặc riêng mình hoặc với người khác, tại nơi công cộng hay tại nhà riêng”.* Đồng thời, để thực hiện quyền đó, Tuyên ngôn cũng nhấn mạnh lại nguyên tắc không phân biệt đối xử vì bất kỳ lý do nào, trong đó có lý do tôn giáo. Cụ thể: *“Ai cũng được hưởng những quyền tự do ghi trong bản Tuyên ngôn này không phân biệt đối xử vì bất cứ lý do nào, như chủng tộc, màu da, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo…” ; “Đến tuổi thành hôn, thanh niên nam nữ có quyền kết hôn và lập gia đình mà không bị ngăn cấm vì lý do chủng tộc, quốc tịch hay tôn giáo” [2].* Do vậy trên cơ sở bình đẳng, Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền có ý nghĩa to lớn trong việc bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo khi xác định đây là một quyền con người cơ bản, đồng thời xác định quyền này bao gồm quyền được tự do trong tư tưởng, tự do lương tâm, và quyền tự do tôn giáo, bao gồm cả quyền lựa chọn, thay đổi tôn giáo và quyền thực hành tôn giáo của mình.

Tuy có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định các nguyên tắc và định hướng để các quốc gia tôn trọng và bảo đảm các quyền con người nói chung và quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo nói riêng nhưng những văn bản trên chỉ mang tính chất tuyên ngôn chứ không mang tính pháp lý và không có sự ràng buộc. Đến khi các quốc gia ký kết Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 thì mới có một văn bản pháp lý quốc tế mang tính ràng buộc các quốc gia thành viên về quyền này. Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 được thông qua và để ngỏ cho các quốc gia ký, phê chuẩn và gia nhập theo Nghị quyết số 2200 (XXI) ngày 16/12/1966 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, có hiệu lực ngày 23/3/1976. Việt Nam đã gia nhập Công ước này vào ngày 24/9/1982. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được ghi nhận cụ thể tại Điều 18 Công ước này như sau:

*“1. Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng và tôn giáo. Quyền này bao gồm tự do có hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng do mình lựa chọn, và tự do bày tỏ tín ngưỡng hoặc tôn giáo một mình hoặc trong cộng đồng với những người khác, công khai hoặc kín đáo, dưới các hình thức như thờ cúng, cầu nguyện, thực hành và truyền giảng.*

*2. Không ai bị ép buộc làm những điều tổn hại đến quyền tự do lựa chọn hoặc tin theo tôn giáo hoặc tín ngưỡng của họ.*

*3. Quyền tự do bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng chỉ có thể bị giới hạn bởi pháp luật và khi sự giới hạn đó là cần thiết để bảo vệ an ninh, trật tự công cộng, sức khoẻ hoặc đạo đức xã hội, hoặc để bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của người khác.*

*4. Các quốc gia thành viên Công ước cam kết tôn trọng quyền tự do của các bậc cha mẹ, và của những người giám hộ hợp pháp nếu có, trong việc giáo dục về tôn giáo và đạo đức cho con cái họ theo ý nguyện của riêng họ.”[3]*

Những quy định trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 là sự cụ thể hóa của Hiến Chương Liên hợp quốc năm 1945 và Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền năm 1948 về các quyền con người, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Đáng lưu ý, Công ước này đã cụ thể hóa một nguyên tắc căn bản, đó là quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo không phải là một quyền tuyệt đối, nó có thể bị giới hạn bởi pháp luật trong các trường hợp cần thiết để bảo vệ an ninh, trật tự công cộng, sức khoẻ hoặc đạo đức xã hội, hoặc để bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của người khác. Đồng thời Điều 20 của Công ước này cũng đặt ra một giới hạn: *“Mọi chủ trương gây hằn thù dân tộc, chủng tộc hoặc tôn giáo để kích động sự phân biệt đối xử về chủng tộc, sự thù địch, hoặc bạo lực đều phải bị pháp luật nghiêm cấm”.* Phạm vi của Điều này còn yêu cầu các quốc gia ngăn cấm cả việc thực hành tôn giáo hoặc tín ngưỡng có tính chất tuyên truyền cho chiến tranh hoặc cổ vũ hận thù dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, hay kích động sự phân biệt đối xử, thù địch hoặc bạo lực. Các quốc gia thành viên có nghĩa vụ ngăn chặn những hành động đó bằng pháp luật. Giới hạn này phù hợp với nguyên tắc đã được xác định tại Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền năm 1948: *“Trong khi hành xử những quyền tự do của mình, ai cũng phải chịu những giới hạn do luật pháp đặt ra ngõ hầu những quyền tự do của người khác cũng được thừa nhận và tôn trọng, những đòi hỏi chính đáng về đạo lý, trật tự công cộng và an lạc chung trong một xã hội dân chủ cũng được thỏa mãn”[8]*

Những nguyên tắc và giới hạn của việc thực hiện các quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được quy định trong pháp luật quốc tế được các quốc gia thành viên tuân thủ và vận dụng để xây dựng pháp luật phù hợp với tình hình chính trị - xã hội và truyền thống văn hóa của từng quốc gia.

**2. Pháp luật một số quốc gia về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo**

Hoa Kỳ là một trong những nước ghi nhận quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo từ rất sớm. Quyền tự do tôn giáo được Hiến pháp Hoa Kỳ ghi nhận là một trong những quyền cơ bản của con người. Ngày 25/9/1789, Quốc hội đầu tiên của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đã thông qua Tuyên ngôn nhân quyền (Bill of Rights) bao gồm 12 tu chính án sửa đổi Hiến pháp, quy định về các quyền cơ bản của công dân Hoa Kỳ trong đó có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Tu chính án thứ nhất quy định: *“Quốc hội sẽ không ban hành một đạo luật nào nhằm thiết lập tôn giáo hoặc ngăn cấm tự do tín ngưỡng…”*. Điều này có nghĩa rằng: Thứ nhất, *“Chính phủ Hoa Kỳ sẽ không bắt buộc bất cứ ai theo đạo hay không hỗ trợ bất cứ một học thuyết tôn giáo hay sự sùng tín nào chống lại ý muốn của các cá nhân”* và “*sẽ không cản trở bất cứ ai trong việc tuân thủ nguyên tắc, quy định và nghi lễ của tôn giáo mà họ đã lựa chọn” [4]*; Thứ hai, việc tu chính án này cấm Quốc hội Mỹ ban hành luật theo hai chiều hướng: thiết lập hoặc cản trở một tôn giáo sẽ dẫn đến việc: “*ở Hoa Kỳ tồn tại nhiều tổ chức tôn giáo của các tôn giáo khác nhau, trong đó không có một tổ chức tôn giáo nào mạnh đến mức có thể giành vị trí thống trị ở nước này*” [5]. Hay nói cách khác, đây là việc “tách Giáo hội khỏi nhà nước”, ngăn chặn việc hình thành một tôn giáo nhà nước chính thức cũng như cấm chính phủ trợ giúp cho tôn giáo.

Để cụ thể hóa các quyền dân sự nói chung, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo nói riêng, Đạo luật các Quyền dân sự năm 1964 (The Civil Rights Act of 1964) đã được ban hành dựa trên nền tảng bình đẳng trong việc thực hiện các quyền dân sự và cấm các hình thức phân biệt đối xử tại khu vực công cộng vì các lý do trong đó có lý do tôn giáo [6]. Nhìn chung, quyền tự do tôn giáo trong pháp luật Hoa Kỳ được ghi nhận theo các nguyên tắc tôn trọng quyền tự do tôn giáo của con người và “tách Giáo hội khỏi nhà nước”.

Cộng hòa Pháp là một trong những quốc gia ở châu Âu có hệ thống pháp quy đầy đủ và chi tiết nhất về vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo. Luật ngày 9/12/1905 về việc tách nhà thờ và nhà nước của Cộng hòa Pháp cũng được xây dựng dựa trên nguyên tắc “thế tục” cũng có nghĩa là *“sự tách bạch giữa tôn giáo và nhà nước”[7]*. Trên cơ sở đó, Điều 1 Luật này khẳng định: “*Nền Cộng hòa bảo đảm quyền tự do lương tâm, bảo đảm quyền tự do thực hành các việc thờ phụng với những hạn chế duy nhất được ban bố... vì lợi ích trật tự công cộng*”. Mặc dù vậy đạo luật này vẫn chứa các Điều luật thể hiện sự quản lý của nhà nước đối với tôn giáo nếu có hành vi vi phạm lợi ích công cộng. Chẳng hạn, theo Điều 25 Luật này, *“Các cuộc hội họp để cử hành một việc thờ cúng được điều hành trong những trụ sở thuộc một hiệp hội tôn giáo được tiến hành công khai… nhưng vẫn được đặt dưới sự giám sát của cơ quan chức năng vì lợi ích của trật tự công cộng”.* Hoặc theo Điều 26 Luật này: *“Cấm việc hội họp có tính chất chính trị ở nơi chuyên dùng vào việc thờ cúng và thực hành nghi lễ tôn giáo”.* Thậm chí Điều 35 của luật này còn xác định: *“Nếu một bài phát biểu hay bài viết công bố công khai ở những nơi thờ tự, có một sự kêu gọi trực tiếp chống lại việc thực hiện pháp luật, kêu gọi hành vi phạm pháp luật của Nhà nước,… giáo sĩ của tôn giáo và những người có tội sẽ bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm…”.*

Nhật Bản cũng là nước có hoạt động tôn giáo tín ngưỡng đa dạng. Pháp luật tôn giáo Nhật Bản hiện nay dựa trên 2 nguyên tắc: “tự do tôn giáo” và “phân ly giữa chính trị và tôn giáo”, mà *“trung tâm của hệ thống này chính là Luật Pháp nhân Tôn giáo” [8].* Luật này được ban hành lần đầu năm 1951 chủ yếu dựa trên hai nguyên tắc là *“Sự phân ly giữa chính trị và tôn giáo một cách nghiêm túc để đảm bảo tự do niềm tin tôn giáo của pháp nhân tôn giáo”* và *“phát huy tính tự quản của pháp nhân tôn giáo”[9].* Với nguyên tắc này nhà nước can thiệp rất ít vào những vấn đề của các pháp nhân tôn giáo. Tuy nhiên trên thực tế lại nảy sinh ra những vụ việc phức tạp liên quan đến tôn giáo mà tiêu biểu là vụ tấn công khủng bố bằng chất độc sarin trên tàu điện ngầm của giáo phái Aum năm 1995 đã đặt ra yêu cầu sửa đổi Luật Pháp nhân tôn giáo. Luật sửa đổi Luật pháp nhân tôn giáo đã được ban hành năm 1995 nhằm sửa đổi, bổ sung một số quy định để tăng thêm sự quản lý của nhà nước đối với các pháp nhân tôn giáo [10].

Nhìn chung, pháp luật các quốc gia đều đặt ra các quy định của pháp luật để đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, trong đó đều ghi nhận nguyên tắc về sự độc lập của Nhà nước đối với tôn giáo. Nhưng trên thực tiễn tự do tín ngưỡng, tôn giáo luôn phải đặt trong mối quan hệ với xã hội, với nhà nước và pháp luật. Đồng thời quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của một cá nhân cũng phải được đảm bảo trên cơ sở bảo vệ trật tự công cộng và quyền tự do của các chủ thể khác. Do đó, pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo các quốc gia đều đặt ra những giới hạn của việc thực hiện quyền này. Việc đặt ra giới hạn không phải là sự hạn chế quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo mà là để Nhà nước có thể quản lý và bảo đảm các quyền này được thực hiện đầy đủ trên thực tế. Đây chính là nguyên tắc cơ bản đã được luật pháp quốc tế thừa nhận.

**3. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016**

Nhận thức được rằng, bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo rất quan trọng trong việc bảo vệ quyền con người, từ đó tạo động lực cho việc phát triển kinh tế xã hội và xây dựng nền tảng vững chắc cho việc bảo vệ an ninh Tổ quốc, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng việc bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Ngày 24/9/1982, Việt Nam gia nhập Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị thể hiện rõ cam kết trước cộng đồng quốc tế về việc tôn trọng và bảo vệ các quyền được Công ước ghi nhận trong đó có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Một trong những nỗ lực quan trọng trong việc thực hiện cam kết đó là việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Với việc thông qua Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, Việt Nam lần đầu tiên có một luật điều chỉnh riêng về vấn đề này. Những nội dung của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 đã cho thấy những đặc điểm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam như sau:

*Một là: cụ thể hóa các nguyên tắc của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị trong việc bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.*

Trong chế định Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân của Hiến pháp 2013, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được ghi nhận như sau: *“Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật” [11].* Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo cũng được Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định rõ tại Điều 2. Theo đó “*hoạt động tín ngưỡng là hoạt động thờ cúng tổ tiên, các biểu tượng linh thiêng; tưởng niệm và tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng; các lễ nghi dân gian tiêu biểu cho những giá trị lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội*”. Còn hoạt động tôn giáo bao gồm “*hoạt động truyền bá tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo và quản lý tổ chức của tôn giáo*”. Việc xác định rõ ràng như trên là cơ sở cho việc xác định phạm vi điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và tạo thuận lợi cho việc thực hiện và bảo vệ các quyền đối với tín ngưỡng, tôn giáo.

Cụ thể hóa của Hiến pháp 2013, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 khẳng định: “*Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào” [12].* Theo đó, chủ thể có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo không chỉ giới hạn ở “công dân” mà là “mọi người”*.* Quy định nàythể hiện đúng bản chất quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền con người theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 đồng thời cũng có nghĩa là mọi người đều bình đẳng và không có sự phân biệt quốc tịch, giới tính, độ tuổi… đối với tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Đây chính là sự cụ thể hóa của nguyên tắc không phân biệt đối xử trong vấn đề tôn giáo được Luật quốc tế ghi nhận. Điều này cũng có ý nghĩa rất lớn không chỉ trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, mà còn trong việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và xây dựng bảo vệ Tổ quốc.

Nhằm kế thừa nguyên tắc được ghi nhận tại Điều 18 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị mà Việt Nam là thành viên, tạo điều kiện cho mỗi người thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mình, Luật tín ngưỡng, tôn giáo quy định cụ thể việc thực hành quyền này thông qua các hình thức như bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia lễ hội; học tập và thực hành giáo lý, giáo luật tôn giáo. Điều luật còn quy định mỗi người có quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo hoặc học tại cơ sở đào tạo tôn giáo. Người chưa thành niên khi vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý.

Đặc biệt, để nguyên tắc quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền cơ bản của mọi người được đi vào cuộc sống, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo khẳng định rõ: “*người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc có quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo”.* Đồng thời Luật Tín ngưỡng, tôn giáo 2016 còn quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam. Về nguyên tắc, họ được tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và có những quyền về tín ngưỡng, tôn giáo như công dân Việt Nam như quyền sinh hoạt tôn giáo, tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo; sử dụng địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung; mời chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người Việt Nam hoặc là người nước ngoài thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo; vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam; mang theo xuất bản phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đó là những quy định hoàn toàn mới lần đầu tiên được ghi nhận trong pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo của nước ta, thể hiện việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của tất cả mọi người ngay cả đối với người bị tước quyền công dân, là bước tiến mới trong việc hoàn thiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo của Nhà nước ta. Như vậy, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo luôn được pháp luật ghi nhận và bảo vệ phù hợp với pháp luật quốc tế về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

*Hai là, Luật tín ngưỡng tôn giáo có một số điểm mới đặc thù phù hợp với tình hình của Việt Nam.*

Để đáp ứng được nhu cầu bức thiết của tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam trong thời kỳ mới, hội nhập quốc tế, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2015 có một số quy định phù hợp với xu hướng chung pháp luật một số nước trên thế giới. Chẳng hạn, về tổ chức tôn giáo, Luật này xác định Tổ chức tôn giáo là pháp nhân phi thương mại kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận. Về hoạt động của các tổ chức tôn giáo, một số nội dung hoạt động chỉ cần thông báo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Những quy định trên xác định rõ địa vị pháp lý của tổ chức tôn giáo, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các tổ chức tôn giáo khi tham gia vào các quan hệ pháp luật, đồng thời hạn chế sự can thiệp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào công việc nội bộ của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo. Điều này được đánh giá là *“phù hợp với xu thế quản lý trong nhà nước pháp quyền, pháp luật quốc tế”.* [13]

Tuy nhiên, tình hình tôn giáo trong xã hội Việt Nam hiện nay có những đặc trưng riêng cần các quy phạm pháp luật đặc thù để điều chỉnh. Đó là sự đa dạng của các loại hình tín ngưỡng dân gian và của các tôn giáo khác nhau; là nhu cầu đoàn kết giữa đồng bào các tôn giáo, giữa đồng bào không có tôn giáo và đồng bào có tôn giáo; nhu cầu quản lý (chứ không phải can thiệp) tình hình tôn giáo vốn rất phức tạp của nhà nước; đặc biệt là công tác phòng chống thủ đoạn lợi dụng vấn đề tôn giáo nhằm xâm phạm đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Vì lẽ đó, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 có các điểm khác biệt so với pháp luật một số quốc gia khác trên thế giới. Cụ thể, Luật tín ngưỡng, tôn giáo không xác định các nguyên tắc “tách giáo hội khỏi nhà nước” hay “phát huy tính tự quản của tổ chức tôn giáo” như pháp luật một số quốc gia khác. Thay vào đó trách nhiệm của nhà nước trong việc “tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người” và “bảo đảm để các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật” được xác định như nguyên tắc cơ bản của luật này. Để đảm bảo điều đó, Luật tín ngưỡng, tôn giáo đặt ra những khuôn mẫu đề các chủ thể tự do thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mình, tôn trọng quyền tự do của các chủ thể khác cũng như lợi ích chung của toàn xã hội. Đó chính là những hành vi bị nghiêm cấm và các nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức khi thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Những hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Điều 5 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, bao gồm các hành vi xâm phạm đến quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác, xâm phạm đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, nghiêm cấm hành vi lợi dụng tôn giáo để trục lợi. Đồng thời, Điều 9 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo cũng quy định những nghĩa vụ của cá nhân tổ chức khi thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo như *“tuân thủ Hiến pháp, Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan”* và trách nhiệm *“hướng dẫn tín đồ, người tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đúng quy định của pháp luật”* của chức sắc, chức việc, nhà tu hành, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng. Những quy định này không phải để “can thiệp” hay “hạn chế” quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo mà để đảm bảo mọi người đều được hưởng thụ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, bảo vệ lợi ích chung của toàn xã hội. Bằng việc quy định chi tiết những hành vi bị cấm, những nghĩa vụ mà các tổ chức, cá nhân phải thực hiện, nhà nước có cơ sở pháp lý để quản lý hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật, thông qua đó quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của con người càng được bảo đảm trên thực tế.

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 có hiệu lực thi hành và chính thức thay thế Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo của Ủy ban thường vụ Quốc hội kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. Mặc dù cho tới thời điểm đó còn rất nhiều vấn đề phải giải quyết để những điểm tiến bộ của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 đi vào cuộc sống, tuy nhiên những quy định của Luật này là cơ sở pháp lý quan trọng để khẳng định và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo như một quyền cơ bản của con người phù hợp với Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, phù hợp với thông lệ quốc tế về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Với việc ban hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, hệ thống pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng được hoàn thiện hơn, đáp ứng nhu cầu bức thiết của đời sống tôn giáo và góp phần củng cố khối đoàn kết giữa cộng đồng các tôn giáo, giữa người có tôn giáo và người không có tôn giáo, từ đó góp phần vào sự phát triển ổn định của đời sống xã hội❒

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1] Liên hợp quốc. (1945) *Hiến Chương Liên hợp quốc*

[2] Đại hội đồng Liên hợp quốc. (1948) *Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền*

[3] Đại hội đồng Liên hợp quốc. (1966). *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966.*

[4] Như Hằng, “Nhà nước và tôn giáo – câu chuyện của nước Mỹ”, *Tạp chí An ninh thế giới giữa và cuối tháng* số ra ngày 09/07/2012, bản điện tử: <http://antgct.cand.com.vn/Khoa-hoc-Van-Minh/Nha-nuoc-va-ton-giao-%E2%80%93-cau-chuyen-cua-nuoc-My-314550/> (Truy cập ngày 13/2/2017)

[5] Nguyễn Văn Dũng, (2009) “Vấn đề đa nguyên tôn giáo và tự do tôn giáo trong xã hội Hoa Kỳ”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 9 năm 2009; tr. 52-62

[6] Civil Rights Act of 1964 Explained, http://civil.laws.com/civil-rights-act-of-1964 (Truy cập ngày 23/1/2016)

[7] Mạnh Thu, Pháp luật Cộng Hòa Pháp về tín ngưỡng, tôn giáo: Nguyên tắc thế tục, *Trang thông tin điện tử của Trung tâm tư vấn pháp luật – Trung ương Hội Luật gia Việt Nam,* <http://nguoibaovequyenloi.com/User/ThongTin_ChiTiet.aspx?MaTT=19122015535535715&MaMT=26> (Truy cập ngày 13/2/2017)

[8] [9] [10] Onishi Kazuhiko. (2006) - *Luật Pháp nhân Tôn giáo và sửa đổi. Một số vấn đề về pháp luật tôn giáo Nhật Bản hiện đại*, bài viết được trình bày tại Hội thảo Quốc tế: Tôn giáo và pháp quyền ở Đông Nam Á diễn ra từ ngày 6 đến 11 tháng 9 năm 2006, Hà Nội, Việt Nam.

[11] Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2013). *Hiến pháp năm 2013.*

[12] Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2016*). Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016*

[13] Bộ trưởng Bộ Nội vụ Lê Vĩnh Tân trả lời phỏng vấn Phóng viên Cổng Thông tin điện tử Bộ Nội vụ về Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2015. Xem tại: https://www.moha.gov.vn/tin-noi-bat/phong-van-bo-truong-le-vinh-tan-ve-luat-tin-nguong-ton-giao-28534.html (Truy cập ngày 4/3/2017).

**Abstract**

**Freedom of beliefs and religions in the international laws and in Vietnamese laws on beliefs and religions**

*Freedom of beliefs and religions is one of the basic civil and political rights of human which is recognized in the international laws. The nations of the world also recognize and protect the freedom of religions and beliefs with their laws on the basis of conformity with the political and social situations of each country. As a country of diverse beliefs and religions, Vietnam always respects the rights to freedom of beliefs, religions and has noted this right in the Constitution. The promulgation of the Law on beliefs and religions in 2016 has institutionalised the 2013 Constitution, improved the legal system and renovated the State management to ensure better freedom of beliefs and religions.*

**Keywords:** *belief, religion, freedom, civil rights, human rights.*